

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xét miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2022 – 2023
cho sinh viên hệ chính quy Trường Du lịch

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐĐH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HĐĐH ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc thành lập Trường Du lịch thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-ĐHH ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Trường Du lịch thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ vào Quyết định số 85 /QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc ủy quyền cho Hiệu trưởng Trường Du lịch – Đại học Huế được ký thừa ủy quyền và đóng dấu Đại học Huế;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Du lịch – Đại học Huế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2022 - 2023 cho sinh viên hệ chính quy Trường Du lịch (Danh sách kèm theo). Trong đó:

- Miễn học phí: 25 sinh viên.
- Giảm 70% học phí: 12 sinh viên.

Điều 2. Sinh viên được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Hiệu trưởng Trường Du lịch, Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên, Trưởng Ban Kế hoạch, Tài Chính và Cơ sở vật chất và những sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐH Huế (để b/c);
- Lưu: VT, TDL, LMH.

TUQ. GIÁM ĐỐC
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG DU LỊCH

Trần Hữu Tuấn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

**DANH SÁCH SINH VIÊN TRƯỜNG DU LỊCH ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHH ngày tháng năm 2023 của Giám đốc Đại học Huế)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp-ngành	Đối tượng miễn, giảm	Mức miễn, giảm
1	19D4011166	Nguyễn Thị Hiền	14/2/2001	K53 QTDLDL&LHĐT 4	Con thương binh	100%
2	19D4041235	Đậu Xuân Nam	20/11/2001	K53 Du lịch 2	Con thương binh	100%
3	19D4041409	Lê Thị Thanh Tịnh	30/7/2001	K53 Du lịch 2	Con thương binh	100%
4	19D4041186	Lưu Thị Hải Linh	2/5/2001	K53 Du lịch ĐT 1	Con thương binh	100%
5	20D4010131	Nguyễn Thị Cẩm Ly	2/1/2002	K54 QTDVDL&LH 1	Con thương binh	100%
6	20D4010167	Hồ Minh Nguyên	30/7/2002	K54 QTDVDL&LH 1	Con thương binh	100%
7	20D4060111	Nguyễn Duy Hoàng	23/8/2002	K54 QTNH&DVAU	Con thương binh	100%
8	21D4050288	Lê Thị Kim Ngân	5/10/2003	K55 QTKSĐT 1	Con thương binh	100%
9	22D4020005	Trần Gia Cát Châu	01/10/2004	K56 QTKD	Con thương binh	100%
10	19D4011304	Võ Thị Phương Loan	18/10/2001	K53 QTDVDL&LH 3	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100%
11	19D4011491	BhNước Pô Ly	23/8/2001	K53 QTDVDL&LHĐT 2	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100%
12	19D4021027	Phạm Thị Hiền	2/8/2000	K53 QTKD	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100%
13	19D4051242	Nguyễn Thị Mận	25/1/2000	K53 QTKS ĐT 3	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100%
14	20D4050339	Cao Hiếu	27/2/2001	K54 QTKS ĐT 3	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100%
15	20D4050065	Võ Thị Hương	12/3/2002	K54 QTKS2	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100%
16	22D4010157	Đặng Thị Quỳnh	22/7/2003	K56 QTDVDL&LHĐT 2	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	100%
17	20D4010861	Thào A Tàu	1/6/2002	K54 QTDVDL&LHĐT 4	Con DTTS hộ nghèo	100%
18	19D4051387	A Ting Thị Quỳnh	11/10/2001	K53 QTKS 2	Con DTTS hộ nghèo	100%
19	22D4040006	Ngân Phương Thế Anh	22/05/2004	K56 Dục lịch Đặc thù	Con DTTS hộ nghèo	100%
20	21D4010131	Vi Long An	05/06/2003	K55 QTDVDL&LHĐT 1	Con DTTS hộ cận nghèo	100%

21	21D4050076	Hồ Thị Mai Anh	17/08/2003	K55 QTKS	Con DTTS hộ nghèo	100%
22	22D4050154	Trần Thị Thu Hiền	29/05/2004	K56 QTKS	Con DTTS hộ nghèo	100%
23	19D4011362	Hồ Thị Năm	22/9/2001	K53 QTDVDL&LHĐT 2	Con DTTS hộ cận nghèo	100%
24	19D4051121	Đinh Thị Hiếu	10/2/2001	K53 QTKS 3	Con DTTS hộ cận nghèo	100%
25	20D4010244	Trần Thị Nguyễn Sóng	4/6/2002	K54 QTDVDL&LH 2	Con DTTS hộ cận nghèo	100%
26	20D4040283	A Lăng Thị Họa My	10/9/2002	K54 Du lịch	Con DTTS vùng KTĐBKK	70%
27	21D4060177	Hồ Thị Hoài Thu	26/12/2003	K55 QTNH&DV AU	Con DTTS vùng KTĐBKK	70%
28	19D4011526	Hà Thị Sinh	17/6/2001	K53 QTDVDL&LH 1	Con DTTS vùng KTĐBKK	70%
29	19D4051028	Hồ Thị Sơn Ca	12/11/2001	K53 QTKS 3	Con DTTS vùng KTĐBKK	70%
30	19D4051369	Hoàng Thị Xuân Phương	15/12/2001	K53 QTKS 1	Con DTTS vùng KTĐBKK	70%
31	19D4051325	Trần Lê Quỳnh Như	28/10/2001	K53 QTKSĐT 1	Con DTTS vùng KTĐBKK	70%
32	19D4041418	A Rất Thị Ly Y Trang	12/10/2001	K53 Du lịch 1	Con DTTS vùng KTĐBKK	70%
33	20D4010376	A Lăng Thị Chúa	28/10/2002	K54 QTDVDL&LH	Con DTTS vùng KTĐBKK	70%
34	20D4040365	Hồ Thị Như Quỳnh	17/8/2002	K54 Du lịch	Con DTTS vùng KTĐBKK	70%
35	19D4041439	A Rất Thị Trinh	18/9/2001	K54 Du lịch	Con DTTS vùng KTĐBKK	70%
36	19D4041061	Hiền Thị Thảo Diệu	2/9/2001	K53 Du lịch ĐT1	Con DTTS vùng KTĐBKK	70%
37	21D4040046	Hồ Thị Nguyệt Ánh	18/03/2003	K55 Du lịch	Con DTTS vùng KTĐBKK	70%

Tổng danh sách này có 37 sinh viên được miễn, giảm học phí./.

Trong đó: - Miễn 100% học phí: 25 SV.

- Giảm 70% học phí: 12 SV.